TRUNG ƯƠNG ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

BẢNG ĐIỂM HỌC TẬP HỌC KỲ VII LỚP K9 - CC1

NGÀNH QUAN HỆ CÔNG CHÚNG

Stt	Mã sinh viên	Họ và	tên	Ngày sinh	Quản trị thông tin và xử lý khủng hoảng (3)		Truyền thông đa phương tiện (3)		Truyền thông số (3)		Truyền thông tích hợp (3)		Xây dựng và hoạch định chiến lược quan hệ công chúng (3)		Thực tập PR (4)		Trung bình (19)	Xếp loại
					Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2		
1	202006001	ĐỖ MAI	AN	01/10/2002	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0				**0.00**	Kém
2	202006002	NGUYỄN TRƯỜNG	AN	24/08/2002	7.3		7.2		6.7		7.4		8.3		7.1		**7.32**	Khá
3	202006009	NGUYỄN MINH	ANH	25/05/2002	6.1		7.7		6.5		7.4		7.6		7.8		**7.23**	Khá
4	202006010	NGUYỄN TIẾN	ANH	26/10/2002	6.2		7.2		6.9		7.2		8.0		7.6		**7.19**	Khá
5	202006012	THÁI TRẦN PHƯƠNG	ANH	22/08/2002	8.4		8.3		8.2		8.7		8.7		9.3		**8.64**	Giỏi
6	202006018	CHU THỊ NGỌC	ÁNH	10/11/2002	7.4		7.8		7.0		8.1		8.8		7.8		**7.82**	Khá
7	202006019	PHÙNG HỒNG	ÁNH	01/01/2002	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		**0.00**	Kém
8	202006022	NGUYỄN PHƯƠNG QUỐC	BẢO	16/11/2002	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		**0.00**	Kém
9	202006024	CÙ QUỲNH	CHI	10/12/2002	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		**0.00**	Kém
10	202006026	NGUYỄN THỊ LAN	CHINH	12/02/2002	6.4		8.0		6.5		9.3		8.5		8.6		**7.91**	Khá
11	202006030	LÊ NGỌC	DIỆP	16/06/2002	6.1		7.9		0.0		8.2		8.3		7.8		**6.46**	Trung bình
12	202006031	HOÀNG NHƯ MINH	ĐỨC	06/04/2002	6.8		8.0		5.6		9.0		7.4		8.6		**7.60**	Khá
13	202006034	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DUNG	12/01/2002	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		**0.00**	Kém
14	202006039	NHO THÁI	DƯƠNG	28/01/2002	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		**0.00**	Kém
15	202006040	PHẠM THÙY	DƯƠNG	13/01/2002	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		**0.00**	Kém
16	202006045	NGUYỄN CHÂU	GIANG	17/06/2002	7.4		7.4		7.2		7.2		8.0		7.8		**7.49**	Khá
17	202006049	LƯU THỊ THU	HÀ	27/06/2002	8.0		8.3		7.5		7.9		8.8		8.6		**8.19**	Giỏi

Stt	Mã sinh viên	Họ và	tên	Ngày sinh	Quản trị thông tin và xử lý khủng hoảng (3)		Truyền thông đa phương tiện (3)		Truyền thông số (3)		Truyền thông tích hợp (3)		Xây dựng và hoạch định chiến lược quan hệ công chúng (3)		Thực tập PR (4)		Trung bình (19)	Xếp loại
					Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2		
18	202006051	DƯƠNG THỊ	HẰNG	18/06/2002	8.5		8.1		7.3		8.5		8.7		8.6		**8.29**	Giỏi
19	202006054	BÙI THỊ THANH	HẢO	03/07/2002	6.7		8.1		6.5		8.5		8.2		5.0		**7.03**	Khá
20	202006057	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	23/11/2001	6.6		7.9		6.5		8.1		8.1		0.0		**5.86**	Trung bình
21		VŨ TUẤN	HIỆP	07/01/2001	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		**0.00**	Kém
22	202006062	ĐOÀN ĐỨC	HIẾU	23/08/2001	7.5		7.1		6.7		7.6		7.7		7.5		**7.35**	Khá
23	202006063	NGUYỄN ĐÌNH	HIẾU	27/12/2002	7.0		8.0		6.2		9.1		8.4		7.5		**7.68**	Khá
24	202006066	NGUYỄN XUÂN	HỒNG	15/02/2002	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		**0.00**	Kém
25	202006070	ĐINH VIỆT	HUY	17/08/2002	8.4		8.4		7.1		8.7		8.3		5.0		**7.51**	Khá
26	202006071	NGUYỄN ĐỨC	HUY	12/11/2002	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		**0.00**	Kém
27	202006073	BÙI THỊ THU	HUYỀN	08/03/2002	8.3		8.3		7.6		8.5		8.5		8.6		**8.31**	Giỏi
28	202006076	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	13/05/2002	8.5		8.3		7.8		8.2		8.7		8.6		**8.34**	Giỏi
29	202006079	VŨ AN KHÁNH	HUYỀN	21/12/2002	6.3		7.8		7.0		9.0		7.8		6.4		**7.32**	Khá
30	202006083	CHU MINH	KHÁNH	17/07/2002	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		**0.00**	Kém
31	202006088	HOÀNG TẤN	LẬP	03/10/2001	6.8		7.5		4.5		7.2		8.0		7.8		**7.01**	Khá
32	202006089	DƯƠNG VŨ HÀ	LIÊN	05/08/2002	6.2		7.8		0.0		7.5		6.0		6.4		**5.69**	Trung bình
33	202006091	CAO MAI KHÁNH	LINH	03/10/2002	5.9		7.6		4.6		7.5		5.0		7.8		**6.49**	Trung bình
34	202006092	ĐỖ THỊ KHÁNH	LINH	31/01/2002	7.2		7.7		7.1		7.8		7.9		7.8		**7.59**	Khá
35	202006097	NGUYỄN THÙY	LINH	14/03/2000	7.1		7.6		7.6		7.9		7.7		7.1		**7.47**	Khá
36	202006098	VŨ PHƯƠNG	LINH	27/02/2002	7.1		7.9		7.4		7.8		8.1		7.0		**7.51**	Khá
37	202006103	NGUYỄN KHÁNH	LY	05/12/2002	6.5		7.5		0.0		7.5		5.8		0.0		**4.32**	Trung bình
38	202006104	TRẦN KHÁNH	LY	05/10/2002	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		**0.00**	Kém
39	202006107	ĐỖ QUỲNH	MAI	17/07/2002	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		7.6		**1.59**	Kém

Stt	Mã sinh viên	Họ và	tên	Ngày sinh	Quản trị thông tin và xử lý khủng hoảng (3)		Truyền thông đa phương tiện (3)		Truyền thông số (3)		Truyền thông tích hợp (3)		Xây dựng và hoạch định chiến lược quan hệ công chúng (3)		Thực tập PR (4)		Trung bình (19)	Xếp loại
					Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2		
40	202006110	TRẦN THỊ NGỌC	MAI	03/11/2002	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		**0.00**	Kém
41	202006115	TRẦN GIÁNG	MY	23/04/2002	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		**0.00**	Kém
42	202006118	NGUYỄN KIM	NGÂN	08/09/2002	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		**0.00**	Kém
43	202006121	PHẠM THẾ TUẤN	NGHĨA	30/10/2002	7.9		8.8		6.5		9.3		8.1		8.4		**8.17**	Giỏi
44	202006122	DƯƠNG THỊ BÍCH	NGỌC	11/08/2002	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		**0.00**	Kém
45	202006125	LÊ THỊ KHÁNH	NGỌC	16/11/2001	7.8		7.9		6.8		8.5		8.0		6.4		**7.51**	Khá
46	202006128	ĐỖ THANH	NHÀN	17/10/2002	7.9		8.4		7.0		7.9		7.9		8.6		**7.97**	Khá
47	202006131	ĐỖ UYÊN	NHI	04/10/2002	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		7.1		**1.50**	Kém
48	202006132	LÊ NGỌC	NHI	26/12/2002	7.9		8.3		7.1		7.9		8.5		8.6		**8.05**	Giỏi
49	202006135	BÙI THỊ	NHỊ	01/01/2002	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		**0.00**	Kém
50	202006138	MAI HỒNG	NHUNG	22/04/2002	7.2		7.9		7.3		7.8		8.1		0.0		**6.03**	Trung bình
51	202006145	DOÃN HÀ	PHƯƠNG	06/01/2002	7.6		7.4		6.2		7.3		7.9		7.8		**7.39**	Khá
52	202006148	PHÙNG THỊ HÀ	PHƯƠNG	30/04/2002	8.4		8.8		8.5		9.3		8.9		9.6		**8.95**	Giỏi
53	202006154	ĐẶNG THỊ THÚY	QUỲNH	16/08/2002	8.1		7.9		6.9		8.1		8.0		7.1		**7.64**	Khá
54	202006158	VŨ THỊ THANH	THANH	17/08/2000	8.4		8.1		8.0		8.1		8.9		8.6		**8.34**	Giỏi
55	202006160	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	02/04/2002	2.9		8.1		7.1		8.0		0.0		7.1		**5.61**	Trung bình
56	202006167	GIÀNG HOÀI	THU	03/11/2002	5.3		7.7		6.1		7.4		7.3		7.8		**6.99**	Trung bình
57	202006169	LÊ MINH	THU	02/11/2002	8.4		8.4		7.6		8.0		8.8		8.5		**8.28**	Giỏi
58	202006172	ĐOÀN THỊ THANH	THỦY	19/04/2002	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		**0.00**	Kém
59	202006175	LÊ VĂN	TRÀ	28/11/2002	7.8		7.3		6.3		7.4		8.8		0.0		**5.92**	Trung bình
60	202006178	ĐẶNG THU	TRANG	23/02/2002	7.1		8.1		6.6		8.5		8.5		7.8		**7.76**	Khá
61	202006182	PHẠM THỊ HUYỀN	TRANG	09/02/2002	7.2		7.7		6.2		8.1		7.8		8.6		**7.64**	Khá

Stt	Mã sinh viên	Họ và	tên	Ngày sinh	Quản trị thông tin và xử lý khủng hoảng (3)		Truyền thông đa phương tiện (3)		Truyền thông số (3)		Truyền thông tích hợp (3)		Xây dựng và hoạch định chiến lược quan hệ công chúng (3)		Thực tập PR (4)		Trung bình (19)	Xếp loại
					Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2		
62	202006184	XA KIỀU	TRANG	25/12/2002	7.2		8.0		7.0		7.8		7.7		8.6		**7.75**	Khá
63	202006187	NGUYỄN CẨM	TÚ	04/11/2002	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		**0.00**	Kém
64	202006191	TRỊNH VŨ	TÙNG	27/03/2002	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		**0.00**	Kém
65	202006195	CHU THANH CẨM	VÂN	16/07/2002	7.7		8.0		7.4		9.1		9.0		7.8		**8.15**	Giỏi
66	202006199	LÊ THỊ	VY	28/09/2002	6.1		7.7		4.7		7.5		7.3		7.1		**6.76**	Trung bình
67	202006200	TRẦN THỊ HOA	VY	27/10/2002	7.1		8.1		7.2		7.9		8.3		8.6		**7.89**	Khá
68	202006201	TRƯƠNG TƯỜNG	VY	07/08/2001	7.2		8.0		6.7		9.2		9.1		7.8		**7.98**	Khá
69	202006202	TRẦN THANH	XUÂN	24/03/2002	0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		0.0		**0.00**	Kém

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2023

TL. GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ CÔNG TÁC SINH VIÊN